V. Complete the sentences with the correct possessive pronoun *{mine, yours, his, hers, its, ours, theirs}*

1. Look at these pictures. _____ is the big one. (subject = My pictures)
2. I like your flowers. Do you like _____? (subject = my flowers)
3. My flowers are dying._____are lovely, (subject = Your flowers)
4. All the essays are good but_____was the best, (subject = his essay)
5. Here is your car._____ is over there, where we left it. (subject = Our car)
6. Your photos are good. _____ are terrible, (subject = Our photos)
7. Each couple's books are colour-coded. _____are red. (subject = Your books)
8. I don't like this family's garden but I like_____. (object = your garden)
9. These aren't John and Mary's children._____have black hair, (subject = Their children)
10. John and Mary don't like your car. Do you like _____? (object = their car)

c. DEMONSTRATIVE PRONOUNS: *this, that, these, those*

- *This is my bag. / That's Maya's computer.*
- *These are my children./Those are Tom's books.*
- *'What's this?'/ 'What's this/that in English? '*
- *'What are these/those in English? '*
- *'Who's that? ' 'That's my friend, Max. '*

	Near	not near
Singular	*This is* my bag.	*That is* her computer.
Plural	*These are* her pens.	*Those are* his books.

N/Q can use a short form with *that*. Ex: *That's* (That is) *my dictionary.* We use the full form with *this, these* and *those.*

Exl: *This is Kate's bicycle. This^s-Kate^s-bieyeleT*

Ex2: *These are Tom's books. Theseh^eMom/s-boeks*

LIVEWORKSHEETS

VI. Fill in each blank with 'this/ that/ these/those' to complete the sentences

1. Look at _____newspaper here.
2. _____are my grandparents, and _____ people over there are my friend's grandparents.
3. _____building over there is the Chrysler Building.
4. _____is my mobile phone and _____ is your mobile phone on the shelf over there.
5. _____photos here are much better than_____ photos on the book.
6. Are _____your pencils here?
7. _____bottle over there is empty.
8. _____bricks over there are for your chimney.
9. John, take _____folder and put it on the desk over.
10. _____cars over there are expensive.

D. PREPOSITION OF PLACE



IN



ABOVE



BETWEEN

AFTER



ON



UNDER



ACROSS



BEFORE



BEHIND



NEXT TO



IN THE MIDDLE



AMONG



NEAR



IN FRONT



AROUND



AT



AWAY FROM



BESIDE



BENEATH



OUT

Cách sử dụng một số giới từ chỉ địa điểm cơ bản

IN	ON	AT

LIVEWORKSHEETS

- Chúng ta sử dụng in với những *khoảng không gian* như: In a park a garden a room space/ sky - với *các thành pho và các quốc gia;* - và *với các dạng của nước* như: In the sea/ the ocean the river/ the pool - hay với *các hàng, đường thẳng* như: *In a line/ In a ro w/ In a queue*	- **On** được sử dụng với *các bề mặt'.* **On** the ceiling/the wall/ the floor/ the table và *các hướng'.* - *On the right/ left/* - *On your right/ left.* - và khi nói *"mặt trước/sau" của một tờ giấy: On the front/back of a piece of paper/the bill...* - *On holiday/on vacation/ on business*	- **At** thì được sử dụng khi đề cập đến *các địa điểm'.* **At** the cinema the bus stop the end of the street/ the story/ the film - và các *vị trí trên một trang giấy: At the top/ bottom of the page* - *vị trí trong một nhóm người:* At the back of the class >< At the front of the class - At work/ at home

Lưu ý:

- Cũng có thể sử dụng *at the river/sea...* khi muốn đề cập đến river/sea như một địa diêm. Ví dụ như "We met at the river and headed North" (chúng tôi gặp nhau tại bờ sông và tiến về hướng Bắc) hay "Breakfast at the sea" (bữa sáng bên bờ biển)...
- Có thể sử dụng *on* đối với những hòn đảo nhỏ.
- Chúng ta nói "in the comer of the room"(1) nhưng lại nói "at the comer of the Street"(2) vì (7) muốn đề cập đến một vị *trí tương đối* (góc phòng, giữa phòng...) còn (2) muốn đề cập đến *một địa điểm.*
- Tương tự chúng ta như trên đối với: in the front/back of a car (vị trí)/ at the front/back of buildings (địa điểm)

VII. Fill in each gap with a suitable preposition

1. The wine is _____ the bottle.
2. Pass me the dictionary, it's _____ the table.
3. My father is _____ work now and we aren't _____ holiday.
4. You have something_____your face.
5. I'm listening my favourite songs_____radio.
6. My brother is watching his favourite cartoon _____ TV now.
7. Turn left _____ the traffic lamps.
8. The people are_____ the table_____ the dining room.
9. My own room is _____ the second floor.
10. The bedroom _____ the attic. I pass the attic to the bedroom.
11. The washing machine is_____ the bathroom.
12. The steps are in_____of the door.
13. The tools are _____ the livingroom. I can't find them in the livingroom.
14. The stars are_____US. In the summer, there are thouands of stars _____the sky.
15. There is a small vegetable garden _____the house but in front of the house is a small flower garden.

LIVEWORKSHEETS